

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/01/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Huy Diệu;

2. Bà Phạm Thị Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Loan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị H, sinh năm 1982; Có mặt.

HKTT: Thôn 7, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Chỗ ở: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

2 **Bị đơn:** Anh Hà T, sinh năm 1982; Có mặt.

HKTT: Thôn 7, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Chỗ ở: Thôn 6, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị H trình bày: Chị và anh Hà T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Tân Hương, huyện Ninh Giang tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/11/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng trong cuộc sống và phát triển kinh tế gia đình. Mặt khác, anh T chơi bời dẫn đến nợ nần, chị đã khuyên bảo nhiều lần và nhiều lần giúp anh T trả nợ nhưng anh T vẫn không thay đổi. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương sinh sống từ đầu tháng 7/2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã

trầm trọng không có biện pháp cải thiện được nữa nên chị khởi kiện xin ly hôn anh Hà T.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T có hai con chung là Hà Minh A, sinh ngày 05/3/2010 và Hà Thị Kim A1, sinh ngày 22/7/2014. Hiện cả hai con chung đang do chị nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị đề nghị giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Hà T trình bày: Về điều kiện kết hôn, chung sống như chị H trình bày. Anh xác định sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc, cũng thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhất trong gia đình, không có gì to tát, anh xác định có chơi bời nợ nần nhưng đã cùng gia đình khắc phục hiện tại chỉ còn nợ khoảng 40.000.000 đồng. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn có thể cải thiện được nên anh không đồng ý ly hôn nếu chị H vẫn cương quyết xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Anh xác định anh và chị H có hai con chung như chị H trình bày là đúng. Ly hôn anh đề nghị được nuôi cả hai con chung, anh không yêu cầu chị H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chính quyền địa phương xã Tân Hương cung cấp: Anh T, chị H kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 06/11/2008, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 7/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn địa phương cũng không nắm bắt được. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã H, huyện N từ tháng 7/2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân kể từ thời điểm chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ đến nay không ai quan tâm gì đến ai. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn anh T. Anh T, chị H có hai con chung Hà Minh A, sinh ngày 05/3/2010 và Hà Thị Kim A1, sinh ngày 22/7/2014. Anh chị đều là giáo viên có thu nhập ngang nhau đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi một con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên Tòa: Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T. Chị và anh T đã thống nhất thỏa thuận về việc giao cả hai con chung là Hà Minh A, sinh ngày 05/3/2010 và Hà Thị Kim A1, sinh ngày 22/7/2014 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh T không đồng ý ly hôn, anh và chị H thống nhất thỏa thuận về việc giao cả hai con chung là Hà Minh A, sinh ngày 05/3/2010 và Hà Thị Kim A1, sinh ngày 22/7/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con anh tự thực hiện không đề nghị Tòa án ghi nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tổ tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Vũ Thị H ly hôn anh Hà T; Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao cả hai con chung Hà Minh A và Hà Thị Kim cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự

nguyện của chị Vũ Thị H về việc không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Thị H và anh Hà T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã T, huyện N nơi sinh sống của anh T tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

[2]. Chị H khởi kiện xin ly hôn, anh T xác định vợ chồng thỉnh thoảng mâu thuẫn nhỏ nhất không to tát, anh và chị H sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai nhưng không đồng ý ly hôn. Mặt khác, biên bản xác minh ngày 01/12/2020 đều xác định do vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2018 đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không nắm được. Mặc dù đã được chính quyền và gia đình hòa giải nhiều lần nhưng gần đây mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã H, huyện N từ tháng 7 năm 2020 đến nay. Vợ chồng sống ly thân từ thời điểm chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ đến nay không ai quan tâm đến ai. Như vậy, việc anh chị đã không chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau từ tháng 7 năm 2020 đến nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị H ly hôn anh T.

[4]. *Về quan hệ con chung:* Chị H và anh T có hai con chung là Hà Minh A, sinh ngày 05/3/2010 và Hà Thị Kim A1, sinh ngày 22/7/2014. Trong quá trình giải quyết, chị H, anh T đều có quan điểm nuôi cả hai con chung và không đề nghị cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị H và anh T thống nhất thỏa thuận về việc giao cả hai con chung là Hà Minh A và Hà Thị Kim A1 cho chị H nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nên HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận về việc giao cả hai con chung là Hà Minh A và Hà Thị Kim A1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[5]. *Về quan hệ tài sản:* Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. *Về án phí:* Chị Vũ Thị H khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về... án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị H. Xử cho chị Vũ Thị H ly hôn anh Hà T.

2. *Về quan hệ con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao cho chị Vũ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con là Hà Minh A, sinh ngày 05/3/2010 và Hà Thị Kim A1, sinh ngày 22/7/2014 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Anh Hà T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2014/0009328, ngày 12 tháng 10 năm 2020. Chị Vũ Thị H đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 19/01/2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã T, huyện N;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Quý Long